

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 613/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 07/14/2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 104/TTr-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2026, Văn bản số 3914/BTC-CLCS ngày 31 tháng 3 năm 2026 về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo thẩm định số 14/BC-HĐTD ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung như sau:

### **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền của 5 tỉnh, thành phố: Thành phố Huế, các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và phần không gian biển, đảo được xác định theo các quy định của pháp luật có liên quan.

### **II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

#### **1. Quan điểm phát triển**

a) Phát triển nhanh và bền vững vùng Bắc Trung Bộ trên cơ sở phát huy toàn diện tiềm năng, lợi thế và nguồn lực của các địa phương trong vùng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tập trung phát triển các ngành kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm; nâng cao trình độ và thu nhập của người dân; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam và các chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia.

b) Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát huy hiệu quả mạng lưới kết cấu hạ tầng hiện có, nhất là hạ tầng giao thông, năng lượng, hạ tầng số; phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, hệ thống đô thị ven biển, đô thị cửa khẩu, đô thị đảo, các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các trung tâm vùng và vùng động lực.

c) Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung phát triển khu vực ven biển, hình thành vùng động lực quốc gia, có tác động lan tỏa, lôi kéo sự phát triển của toàn vùng và cả nước. Phát triển bền vững các khu vực phía Tây trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng. Không gian phát triển vùng được tổ chức hiệu quả, thống nhất bảo đảm liên kết trong từng tiểu vùng, vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế; gắn kết giữa khu vực đất liền với vùng biển; tăng cường liên kết Đông - Tây, với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các nước khác trong tiểu vùng Mê Công mở rộng.

d) Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng và biển; chú trọng bảo vệ môi trường, nhất là hệ sinh thái và môi trường biển; bảo đảm khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thiết yếu của các hệ sinh thái biển cho đời sống con người và phát triển kinh tế biển bền vững; chủ động phòng, chống thiên tai, nhất là bão lũ, ngập úng và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

đ) Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo; phát triển nông thôn mới toàn diện, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Phát huy tối đa nhân tố con người, con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người là nền tảng, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của vùng. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

## 2. Tầm nhìn đến năm 2050

Bắc Trung Bộ là vùng phát triển nhanh, bền vững; có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh; hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, có kiến trúc tiêu biểu, giàu bản sắc, xanh, văn minh, hiện đại, thông minh, có khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn, ngang tầm khu vực châu Á tại các khu kinh tế ven biển hiện đại. Phát triển nông thôn văn minh, hiện đại, xanh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển bền vững dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có khả năng làm chủ tri thức, công nghệ. Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hòa; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

## 3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

### a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Bắc Trung Bộ là vùng phát triển nhanh, năng động, bền vững, mạnh về kinh tế biển, phấn đấu mức thu nhập bình quân đầu người của

vùng đạt mức trung bình cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn của cả nước, các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực, trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm khu vực và quốc tế; các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

#### b) Mục tiêu cụ thể

##### - Về kinh tế:

+ Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt trên 10,5% giai đoạn 2026 - 2030; tỷ trọng GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 36,8%, khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 47,7%, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản khoảng 10,8%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 5,7%. GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng trên 7.000 USD;

+ Phát triển hệ thống đô thị bền vững; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47-48%. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 65% (theo chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030), trong đó 9 - 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại;

+ Phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trên cơ sở tăng cường hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, chuyển đổi số; phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP.

##### - Về văn hóa - xã hội:

+ Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt cao hơn mức trung bình cả nước, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng với miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện;

+ Về dân số, lao động: tốc độ tăng dân số bình quân khoảng 0,9%/năm; phát triển lực lượng lao động chất lượng cao và có kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường, trong đó chú trọng các ngành có lợi thế của vùng. Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo 75 - 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%;

+ Về giáo dục - đào tạo: đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục, phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là khoảng 65 - 75%, tiểu học đạt 75 - 85%, trung học cơ sở đạt 70 - 80%, trung

học phổ thông đạt 60 - 70%. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đại học và dạy nghề một số ngành học, bậc học cao hơn mức bình quân chung của cả nước, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực;

+ Về y tế: xây dựng hệ thống y tế theo hướng phủ khắp, hiện đại, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030 đạt 40 giường bệnh và 15 bác sĩ trên 01 vạn dân; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe;

+ Về văn hóa: phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa. Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: trung tâm văn hóa hoặc trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện;

+ Về an sinh xã hội, giảm nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 giảm khoảng 1- 1,5%/năm.

- Về môi trường:

+ Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 57,0% và nâng cao chất lượng rừng;

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 80%;

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; trong đó tỉ lệ xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 40%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 88%;

+ Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết hợp tái sử dụng đạt trên 50%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;

+ Kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường vùng biển, ven biển và trên các đảo; quản lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền, giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển; 100% các khu bảo tồn biển trong phạm vi của vùng không còn rác thải nhựa.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, trong đó hình thành mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông kết nối đa

phương thức bao gồm các trục giao thông đường bộ Bắc - Nam, Đông - Tây, cảng biển, cảng hàng không, một số tuyến đường sắt đô thị kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia;

+ Phát triển hạ tầng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, hydro xanh...), hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng đô thị, nhất là đô thị khu vực ven biển, hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, các hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về quốc phòng, an ninh: bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quyền, chủ quyền biển, đảo; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của vùng.

#### 4. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá trong thời kỳ quy hoạch

a) Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm và khai thác hiệu quả hệ thống cảng biển, cảng hàng không tại các tỉnh, thành phố trong vùng.

b) Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế của vùng gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, phù hợp với xu thế chung của thế giới và gắn với không gian phát triển mới. Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển; phát triển mạnh một số ngành công nghiệp mới nổi như công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip; tiếp tục phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, công nghiệp ô tô...; dịch vụ tài chính, thương mại, logistics, du lịch. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ mới như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng sạch.

c) Xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước, trở thành vùng động lực quốc gia. Đồng thời có cơ chế, chính sách, nguồn lực phù hợp để bảo đảm an sinh xã hội và từng bước phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới, hải đảo, góp phần ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng, an ninh.

d) Phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm kết nối hiệu quả các cảng biển, khu kinh tế, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị ven biển, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng.

đ) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả liên kết nội vùng, liên vùng để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng; đẩy mạnh liên kết giữa các địa phương liền kề trong vùng, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới sau sáp nhập, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ KHÔNG GIAN CÁC NGÀNH CÓ LỢI THẾ CỦA VÙNG

#### 1. Công nghiệp

- Phát triển công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; tập trung phát triển các ngành công nghiệp nền tảng có lợi thế như lọc hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp dệt may, da giày; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp số, bán dẫn và các ngành công nghiệp mới. Xây dựng một số cụm, trung tâm liên kết ngành công nghiệp quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế, nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp vào GRDP vùng đạt khoảng 30 - 35%.

- Tập trung phát triển công nghiệp dọc hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông và các hành lang kinh tế Đông - Tây, gắn với các khu kinh tế, cảng biển Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Hòn La, Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô; từng bước mở rộng không gian công nghiệp về phía Tây của tuyến cao tốc Bắc - Nam.

- Phát triển công nghiệp lọc hoá dầu tại Thanh Hoá; ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo tại các địa phương trong vùng; nghiên cứu sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh tại các khu vực có điều kiện phù hợp.

- Thu hút đầu tư sản xuất ô tô và công nghiệp phụ trợ tại Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Nghệ An, thành phố Huế; luyện kim, sản xuất thép xanh, cơ khí chế tạo tại Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, thành phố Huế; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mới công nghệ cao (điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp công nghệ số); phát triển đóng mới, sửa chữa tàu biển gắn với các cảng lớn; đẩy mạnh chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu, vật liệu xây dựng và dệt may, da giày phù hợp lợi thế từng địa phương.

#### 2. Dịch vụ

- Phát triển ngành dịch vụ vùng Bắc Trung Bộ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, kinh tế số và mô hình dịch vụ mới, phấn đấu đạt trình độ phát triển khá so với bình quân cả nước, trở thành một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng.

- Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số và thương mại điện tử; hình thành các doanh nghiệp, tập đoàn thương mại có vai trò dẫn dắt tại các trung tâm lớn như đô thị Thanh Hóa, đô thị Vinh, thành phố Huế, đồng thời hỗ trợ phát triển mạng lưới doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh tại khu vực nông thôn. Tăng cường đầu tư hạ tầng thương mại (chợ đầu mối,

siêu thị, trung tâm thương mại, sàn giao dịch số) gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và các trục Đông - Tây, đáp ứng lưu chuyển hàng hóa nội vùng, liên vùng và xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Bắc Trung Bộ trở thành trung tâm du lịch di sản và nghỉ dưỡng biển của miền Trung gắn với hai tiểu vùng Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh và Quảng Trị - Thành phố Huế. Phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng: du lịch nghỉ dưỡng biển (Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Lăng Cô), du lịch di sản - văn hóa - lịch sử (Thành Nhà Hồ, Kim Liên, Phong Nha - Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Thành cổ Quảng Trị), du lịch sinh thái hang động Phong Nha - Kẻ Bàng và du lịch tâm linh. Tăng cường liên kết với vùng đồng bằng sông Hồng, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên theo các hành lang du lịch Bắc - Nam và Đông - Tây.

- Phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ tiên tiến; hình thành các trung tâm logistics cấp vùng gắn với cảng biển Nghi Sơn, Hòn La, Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô, Đông Hội, Cửa Lò, các cửa khẩu quốc tế và các cảng hàng không Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Quảng Trị. Tập trung phát triển các dịch vụ logistics chủ chốt như vận tải đa phương thức, kho bãi, phân phối, logistics nông sản - công nghiệp - du lịch, gắn với các hành lang vận tải quốc tế quốc lộ 8, quốc lộ 9, quốc lộ 12A; phấn đấu nâng tỷ trọng đóng góp dịch vụ logistics trong GRDP vùng. Phát triển thành phố Huế trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, tài chính - ngân hàng, khoa học công nghệ, công nghiệp văn hóa và thể thao. Tập trung xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế trở thành các trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng, dịch vụ y tế chuyên sâu.

- Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với di sản và lễ hội tại thành phố Huế, tỉnh Quảng Trị; mở rộng dịch vụ tài chính, bảo hiểm, công nghệ số, từng bước hình thành các trung tâm dịch vụ tổng hợp có sức lan tỏa trong khu vực Bắc Trung Bộ và liên kết chặt chẽ với các vùng lân cận.

### 3. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản vùng Bắc Trung Bộ theo hướng sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, cơ cấu lại gắn với công nghiệp chế biến, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn và dài ngày, rau màu có lợi thế, phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng địa phương trong vùng. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị gắn với chế biến

và thị trường; các sản phẩm chăn nuôi chủ lực như bò thịt, bò sữa tập trung tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, chăn nuôi hươu, nai tại Hà Tĩnh và một số địa bàn có lợi thế; hình thành liên kết chặt chẽ nông nghiệp - chế biến - dịch vụ - thị trường trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất, kết hợp du lịch sinh thái, góp phần tăng khả năng thích ứng biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh, quốc phòng. Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, thành phố Huế; chú trọng bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng đầu nguồn trên các lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Bồ, sông Hương, bảo vệ rừng tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn như Pù Mát, Bến En, Vũ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã và hệ thống rừng phòng hộ ven biển.

- Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản công nghiệp và bán công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tăng cường liên kết chuỗi nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ giữa các địa phương. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển, đầm phá và hải đảo của Quảng Trị, thành phố Huế, tập trung các đối tượng có giá trị cao tại Nghệ An, Hà Tĩnh, thành phố Huế và các khu vực có tiềm năng; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp quốc phòng, an ninh tại các ngư trường trọng điểm, gắn với các cảng cá và khu neo đậu như Cửa Lò, Cửa Hội, Nhật Lệ, Cửa Tùng, Cửa Việt, Thuận An. Khai thác và chế biến thủy hải sản, ứng dụng công nghệ sinh học biển để tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cao (dược phẩm, thực phẩm chức năng từ biển).

#### 4. Phát triển kinh tế biển

- Phát triển kinh tế biển vùng Bắc Trung Bộ nhanh, bền vững, tập trung vào các ngành dịch vụ, công nghiệp và du lịch biển, kinh tế hàng hải; phát triển các đô thị ven biển gắn với hệ thống khu kinh tế Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây - Lăng Cô. Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản đi đôi với bảo vệ môi trường biển; phát triển công nghiệp ven biển và ngoài khơi, chú trọng năng lượng biển, đặc biệt là điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, gắn với phát triển hệ thống cảng biển và nuôi biển giá trị cao. Phấn đấu nâng tỷ trọng đóng góp của kinh tế biển lên khoảng 45 - 50% GRDP của vùng, trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển.

- Tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng, hình thành các cụm liên kết ngành và khu kinh tế ven biển lớn gắn với đô thị và trung tâm du lịch biển có sức hấp dẫn cao như Sầm Sơn - Hải Tiến (Thanh Hóa), Cửa Lò - Cửa Hội (Nghệ An), Thiên Cầm - Xuân Thành (Hà Tĩnh), Nhật Lệ - Đá Nhảy - Cửa Tùng - Cửa Việt - Cồn Cỏ (Quảng Trị), Lăng Cô - Cảnh Dương - Thuận An (thành phố Huế). Phát triển hệ thống cảng biển và dịch vụ cảng biển tại Nghi Sơn, Hòn La,

Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô, Đông Hồi, Cửa Lò gắn với các khu công nghiệp, khu lọc, hoá dầu, trung tâm logistics biển, từng bước hình thành một số trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước tại Bắc Trung Bộ.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, SẮP XẾP, LỰA CHỌN VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN TRÊN LÃNH THỔ VÙNG**

##### **1. Định hướng phát triển các tiểu vùng kinh tế và liên kết vùng**

a) Tiểu vùng phía Bắc gồm 3 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp nền tảng như công nghiệp hóa dầu, công nghiệp năng lượng, công nghiệp luyện thép, cơ khí, ô tô, sản xuất vật liệu xây dựng; chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ và sạch (sản xuất hàng tiêu dùng, điện tử, công nghiệp phụ trợ...), công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, đồ uống.

- Phát triển các loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và tham quan các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử. Đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ cảng biển, hàng không, ngân hàng, tài chính, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục, đào tạo.

- Phát triển cây công nghiệp, cây lương thực theo mô hình sản xuất tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến; chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại. Khuyến khích đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản xa bờ.

- Xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh là trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước, trở thành vùng động lực quốc gia. đô thị Vinh là trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thương mại, dịch vụ của tiểu vùng; Thanh Hóa là một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc.

- Phát triển các khu kinh tế ven biển tập trung vào một số ngành, lĩnh vực trọng điểm. Đối với khu kinh tế Nghi Sơn, tập trung phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp nền tảng (lọc hóa dầu, vật liệu, năng lượng, cơ khí chế tạo, hóa chất...), ngoài ra phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản... Tại khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trọng tâm phát triển các loại hình công nghiệp nhẹ và sạch (sản xuất hàng tiêu dùng, điện tử, công nghiệp phụ trợ...); ngoài ra phát triển công nghiệp điện, công nghiệp cơ khí, công nghiệp xi măng, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến thủy hải sản, lâm sản... Đối với khu kinh tế Vũng Áng, tập trung phát triển công nghiệp luyện thép, chế tạo các sản phẩm từ thép như chế tạo máy móc; sản xuất ô tô, xe máy và linh kiện; đóng, sửa chữa tàu biển...; ngoài ra phát triển công nghiệp điện, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản...

- Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành hành lang kinh tế Bắc - Nam qua địa bàn tiểu vùng và các hành lang Đông - Tây kết nối các cửa khẩu quốc tế, các đô thị và cảng biển lớn (cửa khẩu Na Mèo - cảng Nghi Sơn, cửa khẩu Thanh Thủy - Vinh - cảng Cửa Lò, cửa khẩu Cầu Treo - cảng Vũng Áng). Nghiên cứu, xây dựng đoạn Vinh - Thanh Thủy thuộc tuyến cao tốc Viêng Chăn - Hà Nội, đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng. Hình thành chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics: Thanh Hóa - Nghi Sơn - Đông Hội - Cửa Lò - Vinh.

b) Tiểu vùng phía Nam gồm 2 tỉnh, thành phố: Tỉnh Quảng Trị và thành phố Huế.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, du lịch biển, kết hợp với du lịch khám phá, mạo hiểm, du lịch sinh thái và tham quan các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử, dịch vụ cảng biển, logistics; các ngành công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến khoáng sản, công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; xây dựng Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng lớn của vùng. Khuyến khích đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản xa bờ, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Xây dựng thành phố Huế trở thành trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu, trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; hướng tới là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của châu Á.

- Xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành hành lang kinh tế Bắc - Nam qua địa bàn tiểu vùng và các hành lang Đông - Tây kết nối các cửa khẩu quốc tế, các đô thị và cảng biển lớn (Cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, cửa khẩu Hồng Vân - cảng Phong Điền). Xây dựng cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo.

## 2. Phát triển các hành lang kinh tế

### a) Các hành lang kinh tế Bắc - Nam

- Phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông (đoạn từ Thanh Hóa đến thành phố Huế) trên cơ sở đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao trong tương lai. Tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, các trung tâm khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, hiện đại. Trong đó, đoạn từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh, phát triển hành lang đô

thị - công nghiệp - du lịch kết nối các đô thị lớn, các khu kinh tế ven biển, các khu vực phát triển du lịch quan trọng; đoạn từ Quảng Trị đến thành phố Huế, phát triển hành lang du lịch - đô thị ven biển trên cơ sở phát triển các trung tâm du lịch cấp quốc gia, cấp vùng, đẩy mạnh liên kết giữa các địa phương để phát triển cụm liên kết ngành du lịch;

- Phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây (đoạn từ Thanh Hóa đến thành phố Huế) nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh. Mở rộng, phát triển đô thị và hệ thống khu, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ, du lịch gắn với các đô thị trung tâm tỉnh, tiểu vùng và vùng. Mở rộng các khu công nghiệp lên khu vực sườn đồi - có độ dốc trung bình; khu vực đồi cao tại dải đất phía Tây giáp dãy Trường Sơn, gắn với đường Hồ Chí Minh. Phát triển hành lang kết nối các vùng nguyên liệu cây công nghiệp, công nghiệp chế biến, liên kết phát triển du lịch, tăng cường tác động lan tỏa của các đô thị trung tâm.

#### b) Các hành lang kinh tế Đông - Tây

- Từng bước hình thành và phát triển các hành lang kinh tế trong dài hạn, thúc đẩy giao lưu thương mại, du lịch, đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong tiểu vùng với vùng, cả nước và các nước trong khu vực:

+ Phát triển hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng kết nối các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với cảng biển tại Hà Tĩnh, Quảng Trị;

+ Phát triển hành lang kinh tế Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng (hành lang kinh tế liên vùng) gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây thuộc tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) nhằm kết nối các địa phương phía Nam nước Cộng hòa Liên bang Myanmar, miền Trung của Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với cảng biển của miền Trung Việt Nam.

- Nghiên cứu xây dựng hành lang kinh tế Na Mèo - Nghi Sơn, Thanh Thủy - Vinh - Cửa Lò, Hồng Vân - Phong Điền.

### 3. Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

#### a) Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn

- Bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt và mở rộng hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và ven biển;

- Bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt và mở rộng hệ thống các khu di sản thiên nhiên được các tổ chức quốc tế công nhận;

- Khu vực I các di tích lịch sử - văn hóa ở cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư.

## b) Các vùng hạn chế phát triển

- Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; các hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng;

- Khu vực II các di tích lịch sử - văn hóa ở cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt. Hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, núi, lũ ống, lũ quét.

## V. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, KHU CHỨC NĂNG

### 1. Phương hướng xây dựng hệ thống đô thị

- Phát triển hệ thống đô thị vùng Bắc Trung Bộ theo hướng bền vững, đa trung tâm, thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu; gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây, đóng vai trò vùng chuyển tiếp chiến lược giữa vùng đồng bằng sông Hồng và vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trở thành không gian động lực về công nghiệp, dịch vụ, đô thị và du lịch của miền Trung.

- Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới đa trung tâm, phân tầng hợp lý giữa đô thị cấp vùng, đô thị trung tâm tỉnh, đô thị động lực tiểu vùng và các đô thị vệ tinh; bảo đảm cân bằng giữa ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi, giữa các cực phát triển lớn với các trung tâm hỗ trợ vùng nông thôn, miền núi và biên giới.

- Phát triển ba trung tâm vùng chủ đạo gồm: đô thị Thanh Hóa là cực tăng trưởng phía Bắc vùng, trung tâm công nghiệp - dịch vụ - logistics gắn với vùng động lực Nghi Sơn - Sầm Sơn - Bùn Sơn; đô thị Vinh là trung tâm giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế, đổi mới sáng tạo và cửa ngõ giao thương quốc tế trên các hành lang Đông - Tây; thành phố Huế là đô thị trung tâm của vùng, đô thị cấp quốc gia đặc trưng về di sản, văn hoá, hạt nhân phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo gắn với bảo tồn và phát huy di sản văn hoá Việt Nam.

- Phát triển các đô thị động lực cấp tiểu vùng và đô thị chuyên ngành như Sầm Sơn, Cửa Lò, Nghi Sơn, Kỳ Anh, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Đông Hà, Hoàng Mai, Chân Mây - Lăng Cô, Hồng Lĩnh... trở thành các trung tâm công nghiệp, cảng biển, logistics, du lịch biển, thương mại biên giới và dịch vụ tổng hợp, góp phần lan tỏa phát triển tới khu vực nông thôn, trung du, miền núi và khu vực cửa khẩu.

- Phát triển hệ thống đô thị loại I, II, III theo mô hình đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị nén, sử dụng đất tiết kiệm, hạn chế mở rộng tràn lan, gắn với hạ tầng giao

thông công cộng, phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia và đặc thù địa hình hẹp ngang, ven biển, trung du, miền núi của vùng Bắc Trung Bộ.

- Gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị với tái cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược (cao tốc Bắc - Nam, quốc lộ 1A, đường ven biển, các trục Đông - Tây, cảng biển Nghi Sơn, Vũng Áng, Cửa Lò, Hòn La, Chân Mây - Lăng Cô, sân bay Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài...), bảo tồn di sản văn hóa và cảnh quan sinh thái; xây dựng các đô thị xanh, an toàn trước thiên tai, bão, lũ, nước biển dâng.

- Tăng cường liên kết đô thị, nông thôn, vùng sinh thái; hình thành chuỗi “đô thị - trung tâm xã - cụm làng - vùng sản xuất”, tạo điều kiện để người dân nông thôn tiếp cận tốt hơn hạ tầng và dịch vụ đô thị, đồng thời phát huy vai trò đô thị trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn bản sắc văn hóa đặc trưng của vùng Bắc Trung Bộ.

## 2. Phương hướng phát triển nông thôn

- Xây dựng nông thôn Bắc Trung Bộ hiện đại, văn minh, giàu bản sắc, bền vững gắn với đô thị hóa, tái cơ cấu nông nghiệp, giảm nghèo bền vững, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 65% (theo chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030), trong đó 9 - 10% số xã đạt nông thôn mới hiện đại.

- Tổ chức không gian và điểm dân cư nông thôn theo 3 tiểu vùng (ven biển - đầm phá - cồn cát; đồng bằng - gò đồi; miền núi - biên giới), sắp xếp lại dân cư vùng có nguy cơ cao về thiên tai; phát triển trung tâm cụm xã, trung tâm xã làm hạt nhân dịch vụ, đồng thời bảo tồn bản sắc làng quê, làng nghề, bản dân tộc.

- Tái cơ cấu kinh tế nông thôn theo lợi thế từng tiểu vùng; phát triển kinh tế biển, nông nghiệp hàng hóa, lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, cộng đồng; đẩy mạnh kinh tế tập thể, hợp tác xã, mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và cụm công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao thu nhập, tạo việc làm tại chỗ.

- Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, thích ứng khí hậu (giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, viễn thông, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa); ưu tiên đầu tư vùng ven biển, vùng lũ, miền núi, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh chuyên đổi số, bảo vệ môi trường và không gian sinh thái (rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn, đầm phá Tam Giang - Cầu Hai); rút ngắn khoảng cách phát triển nông thôn - đô thị, hình thành nông thôn như vành đai sinh thái, không gian đệm cho các cực đô thị và hành lang kinh tế - đô thị ven biển, quốc lộ 1A, cao tốc Bắc - Nam.

### 3. Phương hướng phát triển các khu chức năng

#### a) Khu kinh tế, khu công nghiệp, khu thương mại tự do

- Trong thời kỳ đến năm 2030, tiếp tục phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng và từng địa phương; chú trọng đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp đang hoạt động.

- Phát triển các khu kinh tế ven biển theo hướng hình thành chức năng nòng cốt, chủ đạo, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển của vùng Bắc Trung Bộ. Khuyến khích phát triển các ngành kinh tế biển có giá trị gia tăng cao như du lịch biển, logistics hàng hải, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường; tập trung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm:

+ Khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa): phát triển theo mô hình “thành phố công nghiệp, thân thiện”, ưu tiên lọc - hóa dầu, hóa chất sau lọc hóa dầu, xi măng, thép, cơ khí chế tạo;

+ Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An: phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất hàng tiêu dùng, gắn với cảng biển nước sâu, đô thị, dịch vụ;

+ Khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh): tập trung công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, lấy liên hợp luyện thép và cảng Sơn Dương Formosa làm hạt nhân;

+ Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị: phát triển công nghiệp cơ khí, chế biến, chế tạo, điện tử và công nghiệp hỗ trợ, gắn với hệ thống cảng biển;

+ Khu kinh tế Hòn La: phát triển theo mô hình khu kinh tế tổng hợp, trọng tâm năng lượng, cảng biển, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng và khu phi thuế quan;

+ Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô: phát triển công nghiệp tổng hợp, đa ngành trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ô tô và phụ kiện, công nghiệp luyện kim xanh và gia công kim loại; công nghiệp chế biến chế tạo kỹ thuật cao; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp năng lượng, gắn với trung tâm dịch vụ cảng và du lịch quốc tế;

+ Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu gắn với khu thương mại, dịch vụ, khu công nghiệp, hình thành các trung tâm kinh tế phía Tây của vùng, đẩy mạnh hợp tác trên hành lang kinh tế Đông - Tây, phát triển thương mại, xuất nhập khẩu qua các khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, A Đớt, Nậm Cắn;

+ Nghiên cứu phát triển các khu kinh tế theo mô hình mới tại các địa phương có tiềm năng điều kiện hình thành theo quy định, nhằm tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy liên kết và kết nối kinh tế với các tỉnh, thành phố lân cận trong vùng, cả nước và quốc tế;

+ Phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành, tổ hợp công nghiệp chuyên sâu với quy mô hợp lý; ưu tiên các mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; khuyến khích mở rộng không gian công nghiệp về phía Tây tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông;

- Khu thương mại tự do:

Nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do gắn với các khu kinh tế, cửa khẩu quốc tế, cảng biển nước sâu, trung tâm logistics và hành lang kinh tế tại các địa phương có tiềm năng, phù hợp với chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Khu công nghệ cao

- Nghiên cứu phát triển khu công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ theo hướng gắn với các trung tâm đô thị, đào tạo - nghiên cứu và các cực tăng trưởng của vùng, hình thành hạt nhân đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng; kết nối chặt chẽ với các hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây, các trung tâm logistics, cảng biển, sân bay; đồng thời tăng cường liên kết với các vùng động lực quốc gia để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng công nghệ cao.

- Khuyến khích phát triển các khu nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa bàn có tiềm năng và có điều kiện; tập trung đầu tư phát triển khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Nghệ An.

c) Khu du lịch

- Phát triển các khu du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia và các khu vực trọng điểm du lịch của vùng Bắc Trung Bộ gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử. Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại tại các khu vực có tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia gồm: Sầm Sơn - Hải Tiến (Thanh Hóa); Kim Liên, Vinh - Diễn Châu (Nghệ An); Thiên Cầm (Hà Tĩnh); Phong Nha - Kẻ Bàng; Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ (Quảng Trị); Lăng Cô - Cảnh Dương, Thanh Tân (Huế).

- Phát triển một số trung tâm du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch di sản mang tầm khu vực và quốc gia, trong đó tập trung phát triển các trung tâm du lịch lớn tại thành phố Huế, đô thị Vinh và các đô thị ven biển có lợi thế; đa dạng hóa sản phẩm du lịch gắn với kinh tế ban đêm, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - tâm linh và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, tạo động lực lan tỏa phát triển du lịch toàn vùng Bắc Trung Bộ.

#### d) Khu công nghệ số tập trung

- Xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế trở thành trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ số và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước; hình thành mạng lưới trung tâm hỗ trợ thiết kế vi mạch tại các tỉnh, thành phố, các trường đại học trọng điểm;

- Khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển các khu công nghệ số tập trung tại các tỉnh, thành phố trong vùng khi có đủ điều kiện theo quy định; ưu tiên xây dựng các khu công nghệ số tập trung tại Nghệ An và thành phố Huế.

#### đ) Khu nghiên cứu, đào tạo

- Nghiên cứu phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo nhằm đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ. Tập trung xây dựng một số trung tâm nghiên cứu, đào tạo trọng điểm, trong đó hình thành Trung tâm quốc gia về công nghệ sinh học miền Trung tại Đại học Huế; đồng thời phát triển các trung tâm nghiên cứu - đào tạo chuyên ngành khác phù hợp với lợi thế và nhu cầu phát triển của từng địa phương trong vùng.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của một số trường đại học lớn tại thành phố Huế và Nghệ An, từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu - đào tạo có uy tín trong khu vực và quốc tế. Phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, theo định hướng đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, giữ vai trò tiên phong, trọng điểm về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học của vùng và cả nước.

- Ưu tiên bố trí không gian phát triển các cơ sở giáo dục đại học gắn với mô hình khu đô thị đại học tích hợp đa chức năng, bao gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển đô thị, tạo động lực lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ.

#### e) Khu thể dục thể thao

- Phát triển hệ thống các khu thể dục thể thao cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn Bắc Trung Bộ theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó hình thành một số công trình đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hình thành một số công trình thể thao trọng điểm (khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao) đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm đầy đủ điều kiện để sẵn sàng tổ chức các sự kiện thể thao lớn của châu Á và thế giới. Xây dựng các khu liên hợp thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc tế, đặc biệt là các môn thể thao Olympic.

- Xây dựng Trung tâm phụ trợ huấn luyện nâng cao thành tích thể thao quốc gia tại Nghệ An; đồng thời ưu tiên phát triển các cơ sở đào tạo về thể dục thể thao tại Nghệ An trở thành trung tâm thể thao trọng điểm, giữ vai trò trung tâm vùng Bắc Trung Bộ.

g) Khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích

- Bảo tồn vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh thái của các khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, tập trung vào các di sản được UNESCO vinh danh như Quần thể di tích Cố đô Huế (thành phố Huế), Thành Nhà Hồ, Pù Luông, Pù Hu, Xuân Liên, Bến En (Thanh Hóa), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Trị), Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải; bảo tồn, tôn tạo và phục dựng các di tích văn hóa - lịch sử như: Hải Vân Quan, cụm di tích lịch sử ở Quảng Trị.

- Phân đấu trên địa bàn vùng có thêm một số di tích được nâng cấp xếp hạng thành di tích quốc gia đặc biệt, bao gồm: khu di chỉ khảo cổ Đông Sơn (Thanh Hóa), hệ thống khai thác nước cổ vùng Quảng Trị. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với các thiết chế văn hoá, khu di tích văn hóa - lịch sử, góp phần bảo đảm phát triển du lịch bền vững.

h) Vùng sản xuất tập trung

- Vùng sản xuất công nghiệp tập trung:

+ Xây dựng các trung tâm công nghiệp luyện cán thép, sản xuất sản phẩm thép, cơ khí nặng, thiết bị năng lượng và lọc - hóa dầu tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh và thành phố Huế, gắn với các khu kinh tế Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Chân Mây - Lăng Cô; phát triển trung tâm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin, cơ khí chính xác, sản xuất lắp ráp hàng điện tử xuất khẩu tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và thành phố Huế.

+ Xây dựng các trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, hóa phẩm, dược phẩm và chế phẩm sinh học từ tài nguyên biển, rừng và dược liệu tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế; phát triển các nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp, sản phẩm gỗ tinh chế và vật liệu xây dựng mới tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị và thành phố Huế.

+ Hình thành các trung tâm công nghiệp năng lượng và năng lượng tái tạo quy mô lớn ven biển tại các địa phương trong vùng, phát triển các dự án điện khí, điện gió, điện mặt trời, kết hợp công nghiệp sản xuất, lắp ráp thiết bị năng lượng, từng bước trở thành một trong những cực năng lượng sạch quan trọng của cả nước.

+ Phát triển các nhà máy sản xuất sợi, dệt - nhuộm - may, da giày và công nghiệp hỗ trợ dệt may tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế; xây dựng các khu liên hợp sợi - dệt - nhuộm - may và nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu, giày thể thao xuất khẩu gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển và đô thị công nghiệp của vùng.

- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:

+ Khu vực đồng bằng ven biển: tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn phục vụ tiêu thụ liên tỉnh, xuất khẩu và chế biến công nghiệp; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản nước mặn, nước lợ; phát triển các mô hình canh tác lúa kết hợp rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với cung ứng cho đô thị, khu công nghiệp và phát triển du lịch nông nghiệp. Phát triển các trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn tại các địa bàn ven biển có điều kiện thuận lợi.

+ Khu vực trung du các tỉnh trong vùng: tập trung phát triển sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, lúa, ngô, chăn nuôi gia súc, gia cầm phục vụ nhu cầu trong vùng và xuất khẩu; đẩy mạnh mô hình nông, lâm kết hợp, trồng rừng sản xuất gắn với phát triển du lịch sinh thái. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp sạch, hữu cơ tại các địa bàn có quỹ đất nông nghiệp lớn.

+ Khu vực miền núi phía Tây: định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa cung ứng tại chỗ, tập trung thâm canh bền vững cây công nghiệp ngắn ngày, lúa, ngô, rau màu; bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung: vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Trị; vùng cây công nghiệp lâu năm như cao su tại Quảng Trị; chè, cà phê tại Nghệ An; vùng cây lương thực ngắn ngày như sắn, lạc, đậu tương tại Nghệ An, Hà Tĩnh; vùng cây ăn quả tập trung như cam tại Nghệ An, Hà Tĩnh; bưởi tại Hà Tĩnh và thành phố Huế; dứa tại Thanh Hóa; chuỗi tại các tỉnh miền núi thuộc vùng Bắc Trung Bộ. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Trị.

## **VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **1. Mạng lưới giao thông**

Phát triển mạng lưới giao thông vùng Bắc Trung Bộ đồng bộ, hiện đại, phù hợp các quy hoạch cấp quốc gia, bảo đảm kết nối hiệu quả nội vùng, liên vùng và quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa quốc gia, hàng hải, cảng hàng không, sân bay, cảng cạn được thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.

### a) Về đường bộ

- Hoàn thành xây dựng, mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông trên địa bàn vùng theo quy chuẩn; phát triển các tuyến đường bộ cao tốc kết nối Đông - Tây, kết nối các cảng biển, cảng hàng không với khu vực phía Tây vùng và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; tập trung đầu tư các dự án đường cao tốc Vinh - Thanh Thủy, Vũng Áng - Cha Lo, Cam Lộ - Lao Bảo theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt. Nghiên cứu phát triển một số đoạn tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây khi đủ điều kiện nhằm tăng cường liên kết vùng, đẩy mạnh giao thương, phát triển dịch vụ, du lịch giữa các địa phương.

- Hoàn thành kết nối tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng, tạo vành đai bảo vệ bờ biển, đồng thời thúc đẩy liên kết, phát triển đô thị, dịch vụ và du lịch; tập trung xây mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ chính yếu và thứ yếu, bảo đảm đồng bộ hệ thống giao thông trong vùng; rà soát đầu tư, cải tạo các cầu trên các tuyến quốc lộ hiện có đang bị hạn chế tải trọng, không bảo đảm tĩnh không.

- Nghiên cứu phát triển, hình thành, nâng cấp các tuyến đường kết nối liên tỉnh, kết nối với khu vực phía Tây như: tuyến kết nối Thanh Hóa - Nghệ An; tuyến kết nối đô thị Vinh (Nghệ An) với đô thị Nghi Xuân (Hà Tĩnh); tuyến kết nối đô thị Hải Lăng (Quảng Trị) với thành phố Huế; tuyến kết nối khu vực Cam Lộ - Lao Bảo với các khu kinh tế, cảng biển và một số tuyến đường trên các địa bàn có tiềm năng.

### b) Về đường sắt

- Phát triển đường sắt trong vùng theo hướng ưu tiên các tuyến đường sắt kết nối các đô thị lớn với các ga đường sắt quốc gia, đặc biệt là các ga đường sắt tốc độ cao; một số tuyến đường sắt kết nối giữa cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng cạn, trung tâm logistics và cửa khẩu quốc tế với mạng lưới đường sắt quốc gia nhằm sớm hình thành mạng vận tải hành khách và hàng hóa hiệu quả trong vùng.

- Từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, ưu tiên đoạn qua vùng thuộc đoạn Hà Nội - Vinh - Huế; tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ theo quy hoạch được phê duyệt. Nghiên cứu phát triển, thu hút đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu từng giai đoạn như tuyến Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo.

### c) Về hàng hải

- Phát triển hệ thống cảng biển Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách; ưu tiên nguồn lực phát triển các cảng có tiềm năng trở thành cảng biển lớn, cảng biển tổng hợp, chuyên dụng gắn với các khu kinh tế ven biển.

- Hình thành các cụm cảng biển lớn nhằm tối ưu hóa chi phí quản lý, vận tải, tận dụng năng lực xếp dỡ. Nâng cấp, cải tạo, duy trì các tuyến luồng hàng hải bảo đảm phù hợp với năng lực khai thác của hệ thống cảng biển, trong đó chú trọng các luồng cho tàu trọng tải lớn.

#### d) Về hàng không

- Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác các cảng hàng không Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài theo quy hoạch; tiếp tục đầu tư xây dựng cảng hàng không Quảng Trị theo quy hoạch được phê duyệt.

- Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng hình thành các sân bay chuyên dụng phục vụ du lịch, cứu hộ, cứu nạn tại các khu vực có tiềm năng như đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, Vườn quốc gia Bạch Mã.

#### đ) Về đường thủy nội địa

- Ưu tiên đầu tư các tuyến vận tải chính trên các sông Mã, sông Lam, sông La, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Hương kết nối trực tiếp với hành lang ven biển và các cụm cảng hàng hóa, cảng hành khách; đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên các tuyến.

- Nghiên cứu hình thành các cụm bến thủy nội địa phục vụ tuyến kết nối từ bờ ra đảo, tuyến ven bờ, gắn với phát triển các khu, điểm du lịch dọc bờ biển và đầm phá.

#### e) Về cảng cạn

Từng bước hình thành và phát triển hệ thống cảng cạn trong vùng Bắc Trung Bộ nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu, tăng năng lực thông qua của các cảng biển; tổ chức vận tải container hợp lý, giảm chi phí và thời gian lưu hàng. Phát triển hệ thống cảng cạn trở thành các đầu mối tổ chức vận tải, trung chuyển, phân phối hàng hóa kết hợp cung cấp dịch vụ logistics.

### 2. Mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng

- Phát triển hạ tầng năng lượng và hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, đô thị và kinh tế biển của vùng.

- Phát triển đồng bộ, đa dạng hóa các loại hình nguồn điện; đẩy mạnh chuyển dịch năng lượng, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, thủy điện tích năng).

- Phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời ven biển và vùng trung du - miền núi; nghiên cứu triển khai điện gió ngoài khơi khi đủ điều kiện; khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu tại các đô thị, khu công

nghiệp và khu kinh tế; nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện để phát triển hydrogen xanh, amoniac xanh; khai thác hợp lý tiềm năng thủy điện, thủy điện nhỏ gắn với bảo vệ rừng, an ninh nguồn nước; nghiên cứu phát triển nguồn điện lưu trữ, thủy điện tích năng và pin lưu trữ để nâng cao khả năng hấp thụ năng lượng tái tạo.

- Phát triển nhiệt điện khí, điện khí LNG, từng bước chuyển đổi nhiên liệu sạch theo lộ trình chung của quốc gia; đối với nhiệt điện than, chỉ tiếp tục các dự án đã có trong quy hoạch, thực hiện lộ trình dừng và chuyển đổi nhiên liệu theo quy định; phát triển hệ thống truyền tải điện 500 kV, 220 kV và lưới điện phân phối đồng bộ, hiện đại; xây dựng lưới điện thông minh, bảo đảm vận hành an toàn, ổn định, sẵn sàng tích hợp tỷ lệ cao nguồn năng lượng tái tạo.

- Phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu gắn với các khu kinh tế và cảng biển lớn của vùng (Nghị Sơn, Vũng Áng, Hòn La, Mỹ Thủy, Chân Mây - Lăng Cô...); hiện đại hóa kho bãi, tuyến ống, phương tiện vận tải, bảo đảm an toàn, liên tục; phát triển hệ thống dự trữ, cung ứng khí đốt, LNG phục vụ phát điện và công nghiệp; hình thành các kho LNG và hệ thống đường ống dẫn khí kết nối các nhà máy điện khí trong vùng; sau năm 2030, nghiên cứu phát triển thêm các nguồn CNG, khí sạch phục vụ chuyển dịch năng lượng.

### 3. Hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Phát triển mạng lưới thủy lợi và phòng chống thiên tai vùng Bắc Trung Bộ theo quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên lưu vực sông, gắn với đơn vị hành chính, thống nhất với quy hoạch quốc gia; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn dân cư, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức không gian cấp nước, tưới, tiêu và phòng chống thiên tai theo các lưu vực sông chính gồm: sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu và sông Hương; bảo đảm tính đồng bộ trong quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình liên tỉnh, liên lưu vực.

- Tăng cường điều tiết, cắt lũ của các hồ chứa hiện có; xây dựng mới các hồ chứa nước, đập dâng, cống, trạm bơm phục vụ đa mục tiêu, ưu tiên cho các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt. Ưu tiên các hồ chứa lớn, hồ chứa có khả năng điều tiết liên vùng như hồ Thác Muối (Nghệ An), Trại Dơi (Hà Tĩnh), Châu Giang, Hối Đá, Bến Đá, sông Nhùng (Quảng Trị), Ô Lâu Thượng (thành phố Huế).

- Hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi khu vực ven biển để chủ động cấp nước, kiểm soát mặn và bảo đảm tuần hoàn nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản; kết hợp với trồng rừng bảo vệ đê biển, bờ biển. Đầu tư xây dựng công trình công đập dâng nhằm nâng cao mực nước dòng chính các sông, kiểm soát mặn, ngọt vùng cửa sông trên dòng chính sông Mã, sông Cả. Đồng thời kết hợp vận hành hiệu quả các hồ chứa thượng nguồn phục vụ cấp nước, phòng chống hạn, xâm nhập mặn, lũ ngập úng lụt.

- Củng cố, nâng cấp và từng bước khép kín hệ thống đê sông, đê biển, đê bao bảo vệ đô thị và khu dân cư; chỉnh trị sông, cửa sông để tăng khả năng thoát lũ, kiểm soát xói lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xung yếu. Đầu tư các công trình chống ngập, tiêu thoát nước đô thị, phòng chống xâm nhập mặn, hạn hán tại các vùng ven biển, đầm phá, hạ lưu sông; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình trong quy hoạch không gian thoát lũ.

- Phát triển hạ tầng quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, lũ, bão, nước dâng, sạt lở bờ sông - bờ biển; ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên toàn vùng.

- Gắn kết hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai với giao thông, xây dựng, viễn thông, đô thị và du lịch sinh thái; kết hợp chức năng phòng chống thiên tai với khai thác cảnh quan, không gian sông nước và phát triển kinh tế bền vững.

#### 4. Mạng lưới cấp nước

- Phát triển mạng lưới cấp nước vùng Bắc Trung Bộ theo hướng liên kết theo lưu vực sông và liên tỉnh, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp; ưu tiên các đô thị trung tâm, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch ven biển và các vùng thường xuyên thiếu nước, hạn hán.

- Khai thác tổng hợp và bền vững nguồn nước mặt từ các lưu vực sông Mã, Cả, Gianh, Nhật Lệ, Bến Hải, Thạch Hãn, Ô Lâu và sông Hương, hệ thống hồ chứa thủy lợi, thủy điện; từng bước xây dựng, nâng cấp các công trình điều tiết, trạm bơm, tuyến ống truyền tải liên vùng, liên lưu vực để tăng cường cấp nước cho các vùng khan hiếm nước.

- Tăng cường bảo vệ, kiểm soát khai thác nước dưới đất, hạn chế suy giảm mực nước, sụt lún đất và xâm nhập mặn; khoanh định và quản lý chặt chẽ các vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, đặc biệt tại các đô thị lớn, vùng ven biển và đầm phá.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn tập trung, nâng cao tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; giám sát thất thoát, thất thu nước, áp dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát, vận hành hệ thống cấp nước.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán thông qua các giải pháp công trình (cống ngăn mặn, hồ điều hòa, tuyến ống chuyển nước, trạm bơm dã chiến...) và phi công trình (quản lý nhu cầu nước, chuyển đổi cơ cấu sử dụng nước, tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất).

- Tăng cường liên kết vùng trong khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước, phối hợp quản lý vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ hành lang thoát lũ và không gian sông, hồ để bảo đảm cấp nước bền vững cho vùng Bắc Trung Bộ.

## 5. Mạng lưới thoát nước, xử lý nước thải

- Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật thoát lũ, tránh tình trạng ngập úng tại các đô thị, khu dân cư và các cơ sở sản xuất. Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện các cơ sở xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu dân cư nông thôn và tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn vùng đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường;

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước mặt đối với khu vực ngập nông ở vùng nông thôn. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị mới bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn thiết kế; cải tạo hệ thống thoát nước với giải pháp tách dòng để thu gom nước thải dẫn tới trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị;

- Cải tạo, nạo vét mở rộng kênh rạch và xây dựng hồ điều hoà trong khu vực nội thành; cải tạo, tăng cường nạo vét khơi thông dòng chảy của các kênh, rạch, sông, suối hiện hữu; kết hợp áp dụng các giải pháp thoát nước thông minh và bền vững.

## 6. Hạ tầng thông tin và truyền thông

- Hạ tầng thông tin và truyền thông vùng Bắc Trung Bộ được phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, trở thành nền tảng quan trọng cho chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và vùng nông thôn, miền núi, biên giới.

- Phát triển mạng bưu chính theo hướng hiện đại, thông minh, xanh, hình thành Trung tâm bưu chính vùng Bắc Trung Bộ tại Nghệ An đóng vai trò đầu mối thu gom, xử lý, trung chuyển bưu gửi quy mô lớn; bảo đảm 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính công cộng, đáp ứng yêu cầu thương mại điện tử và kinh tế số.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng cố định và di động tốc độ cao phủ rộng toàn vùng; xây dựng hạ tầng truyền dẫn dung lượng lớn, mạng lõi và trạm trung chuyển dữ liệu tại Thanh Hóa, Nghệ An và thành phố Huế, đẩy mạnh chuyển đổi sang IPv6, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số.

- Hình thành và phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng vật lý - số cấp vùng; gồm trung tâm dữ liệu đa mục tiêu do doanh nghiệp đầu tư, kết nối với các nền tảng điện toán đám mây và hệ thống dữ liệu quốc gia; triển khai hạ tầng IoT tại các đô thị, khu công nghiệp, vùng nông nghiệp trọng điểm để giám sát, điều hành thông minh các lĩnh vực giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, môi trường và đô thị; phát triển các khu công nghệ số tập trung chuyên sâu vào hoạt động ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực năng lượng, chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và đời sống người dân; phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số trở thành một trong các trụ cột của kinh tế số vùng, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, nền tảng số và mạng di động thế hệ mới.

#### 7. Kết cấu hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vùng Bắc Trung Bộ đồng bộ, hiện đại, phù hợp điều kiện ven biển, miền núi, bảo đảm khả năng ứng phó nhanh, hiệu quả với cháy, nổ và sự cố khẩn cấp, nhất là tại các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp trọng điểm và các đô thị động lực.

- Tổ chức mạng lưới trụ sở, doanh trại, cơ sở phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh và khu vực theo hướng phủ kín địa bàn; ưu tiên tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây - Lăng Cô; hình thành các trung tâm huấn luyện, chỉ huy, điều hành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp vùng, kết nối đồng bộ với hệ thống chỉ huy quốc gia.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, cấp nước và thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm đường cho xe chữa cháy hoạt động thuận lợi, hoàn thiện hệ thống trụ nước, bể dự trữ nước chữa cháy tại đô thị, khu công nghiệp; đầu tư trung tâm chỉ huy phòng cháy, chữa cháy cấp tỉnh hiện đại, hệ thống thông tin liên lạc liên thông trung ương, địa phương và tăng cường phối hợp liên vùng, liên quốc gia trong công tác cứu nạn, cứu hộ.

#### 8. Kết cấu hạ tầng xã hội cấp vùng

Phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội đồng bộ trên địa bàn vùng, trong đó các cơ sở hạ tầng cấp quốc gia thực hiện theo các quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt.

##### a) Về mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

- Phát triển đồng bộ mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo vùng Bắc Trung Bộ theo hướng hiện đại, chất lượng, bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững của vùng và một số địa phương lân cận; gắn đào tạo với khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhu cầu thị trường lao động.

- Phát triển mạng lưới giáo dục mầm non và phổ thông đồng bộ giữa đồng bằng, miền núi và ven biển; ưu tiên quỹ đất cho giáo dục trong đô thị, khu công nghiệp; hoàn thiện hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, biên giới; đẩy mạnh xã hội hóa và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Kiện toàn và phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên theo mô hình trung tâm đa chức năng; sắp xếp, sáp nhập các trung tâm hoạt động kém hiệu quả; phát triển trung tâm học tập cộng đồng, bảo đảm 100% xã, phường có trung tâm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

- Phát triển mạng lưới giáo dục đại học theo mô hình tập trung, tinh gọn, hiệu quả; ưu tiên các nhóm ngành đào tạo trọng điểm của vùng như: công nghệ sinh học, y sinh, vật liệu, môi trường; khoa học máy tính, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), điện - điện tử, viễn thông; cơ khí, cơ điện tử, điều khiển, tự động hóa, phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế biển, công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia; phát triển Đại học Vinh theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, là trụ cột đào tạo của vùng Bắc Trung Bộ; hình thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu công nghệ 4.0 trong các cơ sở giáo dục đại học của vùng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, ưu tiên bố trí tại các khu vực ngoài đô thị; sắp xếp, tổ chức lại các trường cao đẳng sư phạm theo hướng sáp nhập, hợp nhất với các cơ sở giáo dục đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp trên cùng địa bàn.

- Ưu tiên phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; bảo đảm mỗi tỉnh có ít nhất 01 cơ sở hoặc trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập; nghiên cứu đầu tư 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp vùng; tiếp tục củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại; ưu tiên đào tạo cho các ngành kinh tế biển, cơ khí ô tô, luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng tái tạo, chế biến chế tạo, du lịch, logistics; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, liên kết đào tạo gắn với thực hành tại doanh nghiệp và khu sản xuất.

#### b) Về mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

- Sắp xếp, phân bổ mạng lưới cơ sở y tế vùng Bắc Trung Bộ hợp lý theo không gian đô thị, nông thôn, miền núi, ven biển và biên giới, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi dịch vụ y tế chất lượng; khuyến khích phát triển bệnh viện ngoài công lập, nhất là mô hình không vì lợi nhuận; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin y tế, y tế từ xa phục vụ khám chữa bệnh và ứng phó các tình huống cấp cứu, dịch bệnh.

- Phát triển thành phố Huế và đô thị Vinh thành các trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Bắc Trung Bộ; đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Trung ương Huế trở thành bệnh viện chuyên sâu kỹ thuật cao ngang tầm khu vực Đông Nam Á;

nâng cấp, cải tạo một số bệnh viện tuyến trung ương, tuyến cuối và bệnh viện đại học trên địa bàn Nghệ An, Quảng Trị, thành phố Huế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh chuyên sâu của vùng.

- Phát triển hệ thống bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và bệnh viện đại học đảm nhận chức năng vùng đối với một số lĩnh vực ưu tiên theo mô hình bệnh tật của Bắc Trung Bộ như: ung bướu, sản nhi, tim mạch, y học cổ truyền, hồi sức, chống độc, bệnh truyền nhiễm.

- Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, trung tâm 115 tại các đô thị trung tâm, khu kinh tế ven biển, cửa khẩu, khu vực biển, đảo (nhất là Quảng Trị, thành phố Huế); tăng cường ứng dụng y tế từ xa, hệ thống điều phối cấp cứu liên thông nhằm bảo đảm công tác vận chuyển cấp cứu và chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân toàn vùng Bắc Trung Bộ.

### c) Về mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao

- Phát triển, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao của vùng Bắc Trung Bộ theo hướng đồng bộ, hiện đại; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao, nhất là tại các địa bàn khó khăn; chú trọng đổi mới mô hình quản trị, chuyển hóa các giá trị di sản văn hóa, lịch sử thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và toàn vùng;

- Tập trung đầu tư phát triển, tôn tạo, bảo tồn các di sản văn hóa, nhất là các di sản được UNESCO công nhận như Quần thể di tích Cố đô Huế (thành phố Huế), Thành Nhà Hồ (Thanh Hóa), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Trị) và các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu như Nhã nhạc cung đình Huế, Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh; gắn bảo tồn, phát huy di sản với phát triển du lịch văn hóa bền vững;

- Xây dựng, nâng cấp các bảo tàng cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó có Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế tại thành phố Huế, Bảo tàng quốc gia “Ký ức chiến tranh và khát vọng hòa bình” tại Quảng Trị, Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh và hệ thống các bảo tàng chuyên đề, bảo tàng tư nhân tại Cố đô Huế;

- Xây dựng, nâng cấp, mở rộng các thư viện công cộng cấp tỉnh tại các tỉnh, thành phố, trung tâm của vùng như Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế theo hướng trở thành thư viện trung tâm cấp vùng làm hạt nhân kết nối, liên thông, liên kết; xây dựng Trung tâm Lưu trữ quốc gia tại thành phố Huế, Thư viện Hoàng cung Huế, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia, tổ hợp học thuật toàn cầu về kiến trúc và nghệ thuật, tổ hợp văn hóa, di sản Cố đô Huế tại thành phố Huế;

- Phát triển mạng lưới cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia, cấp vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao của vùng; nâng cấp một số

trung tâm thể dục, thể thao tại Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế; tiếp tục đầu tư phát triển trung tâm thể thao trọng điểm làm trung tâm thể thao của vùng tại Nghệ An; ưu tiên phát triển các cơ sở đào tạo thể dục, thể thao tại Nghệ An, Thanh Hóa; xây dựng các cơ sở chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên tại các địa phương giữ vai trò trung tâm động lực phát triển thể dục, thể thao của vùng.

d) Về mạng lưới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ; chủ động đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hóa, vật liệu mới. Xây dựng và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI); nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế;

- Đầu tư phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng ứng dụng, cung cấp dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dịch vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng; xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia tại thành phố Huế, phát triển Nghệ An trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của tiểu vùng Bắc Trung Bộ; xây dựng Trung tâm quốc gia về công nghệ sinh học tại Đại học Huế và các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị;

- Hình thành một số trung tâm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế tại các trường đại học trong vùng; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học - công nghệ, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để đẩy nhanh chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đầu tư trọng điểm cho các tổ chức khoa học và công nghệ giữ vai trò kết nối chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp vùng.

đ) Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công

- Nâng cấp, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo hướng trung tâm tổng hợp, đa chức năng; ưu tiên nâng cấp các cơ sở tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh, thành phố Huế;

- Nâng cấp hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo hướng chuyên sâu, chất lượng cao; trong đó phát triển các trung tâm tại Thanh Hóa, Nghệ An; xây dựng cơ sở nghỉ dưỡng điều dưỡng người có công tại Cửa Việt (Quảng Trị).

## VII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

### 1. Phương hướng bảo vệ môi trường

- Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách của vùng Bắc Trung Bộ như ô nhiễm tại hạ lưu các lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải - Thạch Hãn, ô nhiễm vùng biển ven bờ từ Thanh Hóa đến thành phố Huế, ô nhiễm rác thải nhựa biển; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường lưu vực sông, vùng ven biển; bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng như núi đá vôi, rừng đầu nguồn, đầm phá ven biển (nhất là hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai), rạn san hô, thảm cỏ biển; huy động hiệu quả nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

- Tăng cường quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông, đặc biệt các lưu vực sông liên tỉnh như sông Mã, sông Cả, sông Bến Hải - Thạch Hãn, sông Hương; bảo đảm phối hợp, đồng thuận giữa các tỉnh trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý nước thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, làng nghề trên các lưu vực sông lớn; bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn; xác định hành lang bảo vệ nguồn nước, phân vùng bảo vệ nguồn nước theo mức độ ưu tiên.

- Cải thiện chất lượng không khí thông qua chuyển đổi dần sử dụng năng lượng theo hướng sạch, thân thiện môi trường; kiểm soát chặt chẽ khí thải từ công nghiệp, giao thông, đô thị. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng để bảo vệ môi trường biển, vùng bờ, ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường biển.

- Tăng cường liên kết trong vùng về bảo vệ môi trường theo hướng tích hợp các hoạt động quản lý, kiểm soát ô nhiễm; xây dựng và vận hành hệ thống giám sát, quan trắc chất lượng môi trường vùng và liên tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quan trắc, cảnh báo, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường.

### 2. Phương hướng bảo tồn đa dạng sinh học

- Tăng cường liên kết trong thiết lập, quản lý và bảo vệ hành lang đa dạng sinh học và các khu bảo tồn liên tỉnh nhằm kết nối, bảo tồn các sinh cảnh phân bố trên những hệ sinh thái quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ; ưu tiên các hành lang Bắc Hướng Hóa - Đa Krông, Sao La - Phong Điền, Pù Mát - Vũ Quang, Vũ Quang - Giảng Màn.

- Tiếp tục bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên và vùng lõi di sản thiên nhiên trên địa bàn vùng; từng bước mở rộng, thành lập mới một số khu bảo tồn trên cạn và khu bảo tồn biển theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, trọng tâm là các vườn quốc gia Bạch Mã, Bến En, Phong Nha - Kẻ Bàng, Pù Mát, Vũ Quang, hệ thống các khu dự trữ thiên nhiên (Kẻ Gỗ, Đa Krông, Bắc Hương Hóa, Động Châu - Khe Nước Trong, Phong Điền, Pù Hoạt, Pù Huống, Pù Hu, Xuân Liên, Tam Giang - Cầu Hai, Giăng Màn, Khe Nét, Puxilaileng...), các khu bảo tồn loài - sinh cảnh (Cồn Cỏ, Sao La, Hòn Ngư - Đảo Mất...) và các khu bảo vệ cảnh quan đặc thù (Đền Bà Triệu, Lam Kinh, Hàm Rồng, Nam Đàn, Bắc Hải Vân...).

- Khoanh vùng, bảo vệ và sử dụng bền vững các hành lang đa dạng sinh học, chuyển tiếp quản lý hiệu quả các hành lang đã được thiết lập và thành lập mới các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh, bảo đảm tính liên tục sinh cảnh và khả năng di cư, thích ứng của các loài trước tác động của phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ, đặc biệt là hệ thống sông, hồ ngầm vùng núi karst của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, hệ đầm phá ven biển, trong đó có đầm phá Tam Giang - Cầu Hai và các vùng cửa sông ven biển Quảng Trị - thành phố Huế; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn.

- Khoanh vùng, bảo vệ, sử dụng bền vững và từng bước thành lập mới các khu vực đa dạng sinh học cao, nhất là các khu rừng kín thường xanh nhiệt đới tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị và khu vực Chân Mây (thành phố Huế), bảo đảm quản lý phù hợp để duy trì, phát triển bền vững và bảo tồn tại chỗ các giá trị đa dạng sinh học nổi bật của vùng.

- Khoanh vùng, bảo vệ và sử dụng bền vững các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng như vùng núi cao Tây Nghệ An, khu vực đồi cát trắng Đồng Hới - Lệ Thủy, các dải bờ biển và cảnh quan sinh thái đặc thù ven biển Quảng Trị - Thành phố Huế; lồng ghép mục tiêu bảo tồn cảnh quan, đa dạng sinh học với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

### 3. Phương hướng tổ chức không gian các khu xử lý chất thải tập trung

- Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong việc xây dựng và vận hành các khu xử lý chất thải rắn tập trung; nghiên cứu mở rộng phạm vi tiếp nhận chất thải cấp vùng và liên tỉnh của Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa; từng bước hình thành thêm các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng, liên tỉnh tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi, đồng thời đầu tư xây dựng một số nhà máy xử lý chất thải nguy hại với quy mô phù hợp, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu xử lý chất thải của vùng Bắc Trung Bộ.

- Khuyến khích phát triển sản xuất năng lượng từ chất thải rắn; chuyển đổi các bãi chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt hiện có tại các địa phương trong vùng thành các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; giảm thiểu tối đa việc chôn lấp chất thải.

4. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

a) Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng

- Bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học vùng Bắc Trung Bộ, đáp ứng yêu cầu duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển lâm nghiệp bền vững; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; tăng cường bảo vệ và củng cố hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên có giá trị đặc biệt như Pù Mát, Vũ Quang, Bến En, Bạch Mã, Phong Nha - Kẻ Bàng và các khu bảo tồn dọc dãy Trường Sơn; kết nối với các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh nhằm phục hồi sinh cảnh và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng tỷ lệ diện tích rừng đặc dụng tự chủ tài chính thông qua phát triển dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học và tham gia thị trường carbon; phát huy tiềm năng của các khu rừng có cảnh quan, sinh thái đặc sắc để thu hút tổ chức, cá nhân, chủ rừng đầu tư các sản phẩm du lịch sinh thái, tạo nguồn lực bền vững cho bảo vệ rừng.

- Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy quản lý rừng đặc dụng; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, ban quản lý rừng, lực lượng kiểm lâm và cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng và các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh.

b) Phương hướng phát triển bền vững rừng phòng hộ

- Tập trung đầu tư phát triển, bảo vệ và phục hồi hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn các lưu vực sông lớn như sông Mã, sông Cả, hệ thống sông vùng Quảng Trị - Thành phố Huế; rừng phòng hộ bảo vệ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi trọng điểm; đồng thời mở rộng và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ ven biển từ Thanh Hóa đến thành phố Huế nhằm chống xói lở, chắn sóng, chắn gió, chống cát bay và hạn chế xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Quản lý, sử dụng rừng phòng hộ theo tiêu chí quản lý rừng bền vững, gắn với khai thác hợp lý các sản phẩm, dịch vụ môi trường rừng phòng hộ (dịch vụ bảo vệ đất, nước, phòng chống thiên tai, cảnh quan du lịch sinh thái...), bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phòng hộ, sinh thái và sinh kế cộng đồng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ; triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính, kỹ

thuật để cộng đồng, hộ gia đình, chủ rừng tham gia trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng phòng hộ, nhất là tại các vùng đầu nguồn, vùng ven biển xung yếu.

- Hình thành và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các ban quản lý rừng phòng hộ với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và lực lượng chức năng; tăng cường liên kết liên tỉnh trong quy chế phối hợp, xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong bảo vệ và quản lý rừng phòng hộ ở cấp tỉnh, cấp vùng.

#### c) Phương hướng phát triển bền vững rừng sản xuất

- Rà soát, điều chỉnh diện tích rừng sản xuất theo hướng phát huy lợi thế so sánh về đất đai, khí hậu, tài nguyên rừng của các địa phương Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến lâm sản; phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn năng suất, chất lượng cao với sự tham gia của các thành phần kinh tế; chú trọng lâm nghiệp đa mục đích (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ), mô hình nông - lâm kết hợp, trồng được liệu dưới tán rừng.

- Tăng cường thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào vùng nguyên liệu, chế biến sâu và logistics lâm nghiệp; xây dựng và triển khai các mô hình kinh doanh rừng liên vùng, liên tỉnh đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC, tương đương), tạo điều kiện mở rộng xuất khẩu nguyên liệu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ.

- Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư, thâm canh rừng trồng gỗ lớn, hỗ trợ giống cây trồng chất lượng cao, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, bảo hiểm rừng... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, tăng hiệu quả kinh tế rừng sản xuất; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cải thiện thu nhập cho người dân miền núi và bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

#### d) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp điều kiện trung du, miền núi và ven biển; gắn với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường, tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng. Phát triển hạ tầng số phục vụ quản lý lâm nghiệp, chi trả dịch vụ môi trường rừng, tham gia thị trường carbon và nghiên cứu khoa học; xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong vùng tại Nghệ An.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý, chăm sóc, phòng cháy, chữa cháy rừng; kết nối hiệu quả các vùng nguyên liệu với các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển hạ tầng sơ chế, chế biến, kho bãi, logistics cho sản phẩm lâm nghiệp, tại các trung tâm chế biến gỗ và lâm sản.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu về cơ giới hóa và chế biến lâm sản; tăng cường năng lực theo dõi, giám sát tài nguyên rừng, cảnh báo cháy rừng; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng, hệ thống đường tuần tra, đường băng cản lửa tại các khu rừng phòng hộ ven biển và vùng rừng sản xuất có nguy cơ cháy cao; đa dạng hóa thị trường sản phẩm lâm nghiệp, phát triển các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi trên cơ sở thông tin đầy đủ, kịp thời.

#### 5. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Dựa trên đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, thủy văn và định hướng phân vùng phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai trong vùng Bắc Trung Bộ được tổ chức các giải pháp phòng, chống thiên tai theo hướng chủ động phòng ngừa, nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch thủy lợi, giao thông, đô thị và sử dụng đất.

##### a) Hệ thống đê sông, đê biển

- Xây dựng, củng cố và nâng cấp hệ thống đê sông tập trung tại các lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu, sông Hương và một số lưu vực sông khác, phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê; kết hợp đồng bộ với hệ thống hồ chứa thượng nguồn để đáp ứng yêu cầu chống lũ thiết kế cho hạ du.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông từ Thanh Hóa đến thành phố Huế theo tiêu chuẩn thiết kế, bảo đảm phòng chống bão mạnh, nước dâng, triều cường và xâm nhập mặn; từng bước nâng cao trình, mặt cắt, gia cố mái đê và trồng rừng phòng hộ ven biển để tăng cường an toàn đê điều trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

##### b) Định hướng phòng chống lũ, tiêu thoát nước

- Phòng, chống lũ cho khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh theo hướng chủ động phòng chống bão, ngập lụt triệt để; khu vực từ Quảng Trị đến thành phố Huế thực hiện giải pháp chủ động phòng tránh, thích nghi với thiên tai, trọng tâm là phòng, chống bão lũ, ngập lụt khu vực đồng bằng ven biển và hạ du các lưu vực sông.

- Thực hiện điều tiết các hồ chứa tham gia cắt, giảm lũ; nghiên cứu, xây dựng mới các hồ chứa cắt lũ thượng nguồn như hồ Thác Muối trên sông Cả, hồ Trại Dơi trên sông Ngàn Sâu, hồ Ô Lâu Thượng trên sông Ô Lâu; đồng thời củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều, mở rộng khẩu độ thoát lũ của các công trình giao thông, đặc biệt trên các tuyến quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ cắt qua dòng chảy lũ; chỉnh trị cửa sông Tư Hiền, Thuận An và một số cửa sông khác để tăng khả năng thoát lũ, bảo vệ các đô thị, khu dân cư với tần suất chống lũ phù hợp từng giai đoạn.

- Bố trí các công trình tiêu động lực tại những vùng thấp trũng ven sông, khu đô thị và vùng sản xuất, xây mới trạm bơm tiêu cho các vùng chưa được tiêu triệt để; nạo vét, khơi thông các kênh trục, hệ thống tiêu thoát nước hiện có nhằm nâng cao khả năng tiêu úng, giảm ngập sâu, ngập kéo dài, nhất là tại vùng ven sông Lèn, Nam sông Chu (Thanh Hóa), vùng hạ lưu các sông lớn ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và đồng bằng sông Hương (thành phố Huế).

c) Định hướng phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

- Xây dựng, củng cố các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực diễn biến phức tạp, có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đô thị, khu dân cư tập trung, hạ tầng quan trọng; ưu tiên các đoạn xung yếu trên lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Gianh, Nhật Lệ, Bến Hải, Thạch Hãn, Ô Lâu, Hương và các khu vực cửa sông, bờ biển đang bị xói lở mạnh như khu vực Nhật Lệ, Cửa Tùng, Cửa Việt, Thuận An, Tư Hiền. Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, trồng cây chắn sóng, rừng ngập mặn, rừng ven biển để bảo vệ bờ sông, bờ biển.

- Chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn thông qua xây dựng, nâng cấp các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, điều tiết nguồn nước như đập Cẩm Hoàng trên sông Mã, đập ngăn mặn trên sông Lam; kết hợp các giải pháp phi công trình về điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ, công nghệ tưới tiết kiệm nước, điều tiết liên hồ chứa theo quy trình vận hành được phê duyệt, bảo đảm cấp nước ổn định cho sinh hoạt, sản xuất và giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn vùng cửa sông.

d) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai

- Duy trì, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới trạm khí tượng - thủy văn, trạm đo mưa, mực nước, trạm cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và các trạm trực cảnh, cảnh báo sóng thần dọc ven biển vùng Bắc Trung Bộ; từng bước tích hợp, lồng ghép với mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia và hệ thống quan trắc chuyên dùng của các ngành.

- Nâng cấp hệ thống thông tin, thông tin liên lạc, bảo đảm truyền tải kịp thời, thông suốt các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến chính quyền các cấp, người dân và tàu thuyền hoạt động trên biển; xây dựng, cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai, bản đồ ngập lụt, sạt lở đất, xói lở bờ biển làm cơ sở bố trí dân cư, quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng và tổ chức sản xuất. Chủ động xây dựng, diễn tập và triển khai phương án sơ tán dân khỏi khu vực có nguy cơ cao, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản và hạ tầng trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

## VIII. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, LƯU VỰC SÔNG TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

1. Phương hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước

- Xác định nguồn nước mặt trên các lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu, sông Hương và các sông ven biển khác là nguồn cung cấp chủ yếu cho các nhu cầu nước của các ngành và cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ. Nguồn nước dưới đất được ưu tiên phục vụ cấp nước sinh hoạt, đặc biệt là khai thác các tầng chứa nước nằm sâu cho các khu vực thường xuyên bị xâm nhập mặn, vùng ven biển, hải đảo (như Cồn Cỏ), vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng khan hiếm nước và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân bổ nguồn nước trên địa bàn vùng theo hướng gắn với quản lý nhu cầu sử dụng nước, phát huy hiệu quả hệ thống công trình khai thác, sử dụng nước hiện có trên từng lưu vực sông, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các ngành, lĩnh vực và giữa thượng lưu, hạ lưu; gắn phân bổ nguồn nước với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch sử dụng đất và phát triển ngành, lĩnh vực của từng địa phương trong vùng.

- Trong điều kiện bình thường, thực hiện phân bổ bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cho các ngành, lĩnh vực đối với những lưu vực sông chưa xảy ra tình trạng thiếu nước; đối với các lưu vực đã và đang có nguy cơ thiếu nước, khan hiếm nước, ưu tiên phân bổ nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, sau đó đến các mục đích sản xuất có hiệu quả kinh tế cao, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, nguồn nước trên sông, suối, hồ chứa không hoặc khó đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trên diện rộng, nhiều lưu vực, căn cứ vào hiện trạng nguồn nước, dung tích trữ tại các hồ chứa, kết quả dự báo, cảnh báo của cơ quan khí tượng thủy văn, tổ chức đánh giá, xây dựng phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước cụ thể theo thứ tự ưu tiên, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp tiết kiệm nước, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, điều chỉnh kế hoạch sản xuất, bảo đảm an ninh nguồn nước và an sinh xã hội trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ.

2. Phương hướng bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên nước mặt và nước dưới đất trên các lưu vực sông chính của vùng Bắc Trung Bộ; xây dựng, nâng cấp các điểm, công trình quan trắc tài nguyên nước theo quy hoạch. Tăng cường

quan trắc mưa, dòng chảy, mực nước, chất lượng nước trên các sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu, sông Hương và các hồ chứa, đầm phá lớn (như hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai), làm cơ sở cho quản lý, cảnh báo, điều phối và bảo vệ tài nguyên nước.

- Duy trì, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng và khôi phục diện tích rừng phòng hộ bị suy thoái trên các lưu vực sông trong vùng nhằm bảo vệ nguồn sinh thủy, giảm xói mòn, sạt lở, hạn chế lũ quét, lũ ống; bảo vệ các vùng bổ cập nước dưới đất, nhất là vùng trung du, miền núi và dải ven biển.

- Hạn chế gia tăng lưu lượng khai thác nước dưới đất tại các đô thị, khu vực có nguy cơ hạ thấp mực nước, sụt lún đất; áp dụng các giải pháp khai thác hợp lý, kết hợp bổ sung nhân tạo nguồn nước dưới đất tại những nơi phù hợp. Giảm thiểu tối đa tình trạng suy giảm mực nước trên các sông, bảo đảm yêu cầu mực nước cho các hoạt động cấp nước, giao thông thủy, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh; kiểm soát chặt chẽ nguồn thải trên các lưu vực sông, đặc biệt tại khu vực tập trung khu công nghiệp, đô thị, làng nghề, khu du lịch ven sông, ven biển.

- Cải thiện, khôi phục và làm sống lại các đoạn sông, kênh, mương bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, nhất là các đoạn sông, suối đi qua đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung có vai trò quan trọng trong cấp nước, tiêu thoát nước và bảo tồn hệ sinh thái nước, như một số đoạn thuộc sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Nhật Lệ, sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu, sông Hương và các sông, kênh nội đô. Không gian phát triển dọc sông phải bảo đảm hành lang thoát lũ, hành lang bảo vệ nguồn nước; hạn chế tối đa việc lấn sông, san lấp lòng sông, thu hẹp không gian chứa, thoát lũ; tăng cường quản lý các hoạt động nạo vét, khai thác cát sỏi lòng sông, xây dựng công trình trên bờ, bãi sông để phòng, chống sạt lở, suy thoái lòng, bờ bãi sông.

- Chú trọng bảo vệ một số hồ, đập, công trình chứa nước đặc biệt quan trọng đối với cấp nước sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống thiên tai của vùng như các hồ Cửa Đạt, Sông Mực (Thanh Hóa), Vực Máu (Nghệ An), Ngàn Trươi, Kẽ Gõ (Hà Tĩnh), Rào Quán (Quảng Trị), Tả Trạch, Truồi, Hương Điền (thành phố Huế)... Tăng cường hệ thống giám sát xả nước thải vào nguồn nước, bảo đảm lưu lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ, 100% công trình khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước thuộc đối tượng phải giám sát được lắp đặt, kết nối, truyền số liệu quan trắc theo quy định, phục vụ quản lý, điều hành và bảo vệ tài nguyên nước một cách hiệu quả, bền vững.

## **IX. PHƯƠNG HƯỚNG ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH**

1. Tập trung xây dựng thế trận và các tiềm lực trong khu vực phòng thủ vững chắc vùng Bắc Trung Bộ, lấy xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần làm

cơ sở, tiềm lực kinh tế giữ vai trò nền tảng và tiềm lực quân sự, an ninh giữ vai trò cốt lõi. Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, thể trận biên phòng toàn dân trên địa bàn; bố trí các khu quân sự, khu vực phòng thủ và các điểm có vị trí chiến lược dọc biên giới, trên vùng ven biển và đảo, ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của vùng.

2. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; phòng ngừa, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là trên tuyến biên giới, cửa khẩu, trên biển. Hoàn thành hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới đất liền và vùng biển; xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển; xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới, hải đội dân quân thường trực và lực lượng dân quân tự vệ biển vững mạnh.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thể trận khu vực phòng thủ vùng Bắc Trung Bộ, trên cơ sở tích hợp các khu quân sự, khu vực phòng thủ, các địa bàn, không gian ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; gắn phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu đô thị, kết cấu hạ tầng giao thông, cảng biển, dịch vụ hậu cần với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa.

## **X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về cơ chế, chính sách bảo đảm liên kết vùng**

- Thực hiện tốt công tác tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phát huy hiệu quả liên kết phát triển vùng theo quy hoạch được phê duyệt; kịp thời rà soát, điều chỉnh, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Kiện toàn tổ chức điều phối vùng phù hợp với phạm vi vùng nhằm tạo đầu mối thống nhất cho công tác điều phối và thúc đẩy liên kết phát triển; hoàn thiện thể chế liên kết vùng Bắc Trung Bộ theo hướng nâng cao vai trò, trách nhiệm của các địa phương trong Hội đồng điều phối vùng; tăng cường thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, nhà khoa học trong xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát Quy chế liên kết vùng.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cộng đồng dân cư tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của vùng; phát triển các cụm ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch, dịch vụ gắn với liên kết vùng và liên kết đô thị - nông thôn.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng gắn với quy định rõ trách nhiệm, cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp; đồng thời bảo đảm sự điều phối thống nhất của trung ương và Hội đồng điều phối vùng trong các vấn đề mang tính liên tỉnh, liên vùng.

## 2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân trong nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của các địa phương trong vùng; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục, tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; duy trì đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sản xuất, kinh doanh.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để triển khai các chương trình, dự án mang tính liên kết vùng, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, hạ tầng số và hạ tầng xã hội trọng điểm trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ; nghiên cứu, mở rộng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng, vùng đất ngập nước, lưu vực sông để tạo thêm nguồn lực đầu tư cho hạ tầng môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái. Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm trong các lĩnh vực thế mạnh của vùng như công nghệ sinh học, công nghệ số, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, tại một số địa phương có tiềm năng và lợi thế về nhân lực, cơ sở đào tạo như Thanh Hóa, Nghệ An, thành phố Huế, góp phần hình thành các hạt nhân đổi mới sáng tạo vùng Bắc Trung Bộ.

- Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học, bệnh viện vùng và các cơ sở cung cấp dịch vụ công khác trên địa bàn vùng theo nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, hiệu quả, dựa trên các tiêu chí, chỉ số kết quả hoạt động, gắn với cơ chế đặt hàng, đấu thầu công khai, minh bạch; khuyến khích huy động thêm các nguồn vốn xã hội, đối tác công - tư (PPP) tham gia đầu tư, nâng cấp các cơ sở này.

## 3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế lợi thế của vùng Bắc Trung Bộ như kinh tế biển, logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo; đồng thời bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên và con người của vùng trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

- Tăng cường thu hút lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo nguồn nhân lực giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu,

trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong vùng và các tổ chức, quỹ quốc tế, tổ chức phát triển có quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực Bắc Trung Bộ.

- Xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp theo hướng chuyên nghiệp, giỏi chuyên môn, ngoại ngữ, có đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ nhân dân; mở rộng, nâng cấp các trung tâm giáo dục, đào tạo tại một số đô thị trung tâm như Thanh Hóa, Vinh, thành phố Huế; tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề có uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng.

- Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được hình thành từ khu vực kinh tế phi chính thức như hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong thanh niên, trí thức trẻ vùng Bắc Trung Bộ.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo tăng cường hợp tác với doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo đơn đặt hàng và trực tiếp sử dụng nhân lực sau đào tạo; thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn chặt với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Tăng cường công tác thu thập thông tin, phân tích và dự báo cung - cầu lao động trên địa bàn vùng; chú trọng đào tạo nghề gắn với nhu cầu việc làm thực tế, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ chuyển dịch lao động, tạo việc làm bền vững cho người lao động, nhất là lao động nông thôn, khu vực miền núi, biên giới và ven biển.

#### 4. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

##### a) Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách và biện pháp quản lý, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức để các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong vùng Bắc Trung Bộ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, khoáng sản và tiềm năng năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối); nâng cao năng lực dự báo, quan trắc, giám sát môi trường, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, nhất là tại các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, khu đô thị, khu du lịch và khu vực ven biển, đầm phá.

- Tăng cường quản lý tập trung, đồng bộ đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế, áp dụng các công nghệ xử lý tiên tiến, thân thiện môi trường; thúc đẩy phân loại rác tại nguồn, khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn với quy mô phù hợp ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng ven biển chưa có hệ thống quản lý chất thải tập trung, gắn với phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong cộng đồng.

#### b) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của vùng Bắc Trung Bộ như kinh tế biển, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, logistics; xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, gắn với các chuỗi giá trị nội vùng, liên vùng và toàn cầu, các cụm liên kết ngành của vùng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết nội vùng, liên vùng về khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng Bắc Trung Bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm huy động tối đa nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh phát triển và khai thác năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối, thủy điện nhỏ...) trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế, sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất, bảo vệ môi trường, phù hợp với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch quốc gia.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng khoa học và công nghệ hiện đại, đồng bộ, với sự tham gia chủ động, tích cực của các ngành, các cấp; chú trọng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp trích một phần lợi nhuận trước thuế lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, đầu tư trang thiết bị nghiên cứu và thành lập các đơn vị nghiên cứu mạnh trong doanh nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn của vùng.

- Liên kết, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, kết nối cung - cầu công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh; tạo lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương và của vùng Bắc Trung Bộ. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng cường gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp trên địa bàn vùng.

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định được công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

## 5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, quản trị, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn vùng Bắc Trung Bộ; rà soát, bổ sung hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch và thiết kế đô thị, diêm dân cư nông thôn theo hướng cập nhật các xu thế mới như tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, đô thị nén, phát triển bền vững, thích ứng với bão, lũ, nước biển dâng đặc thù vùng ven biển và trung du, miền núi Bắc Trung Bộ.

- Kiểm soát phát triển không gian đô thị theo hướng nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển; thực hiện tiếp cận tổng thể, đa ngành trong quản lý xây dựng ở cấp cơ sở, gắn quản lý trật tự xây dựng với quy hoạch thoát lũ, tiêu úng, bảo vệ hành lang sông suối, đầm phá, vùng cát ven biển.

- Bảo tồn, phát huy các mô hình cộng đồng định cư truyền thống thích ứng với thiên tai, thân thiện với môi trường (làng ven biển, làng ven sông, bản vùng cao...); nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng (ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi, biên giới), gắn với phát triển kinh tế nông thôn, làng nghề, du lịch cộng đồng.

- Cải thiện sinh kế và điều kiện sống cho cư dân nông thôn nhằm hạn chế di cư tự phát ra đô thị thông qua tái phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; ưu tiên phát triển hạ tầng thiết yếu, dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nước sạch, văn hóa, thông tin) theo quy mô, đặc điểm dân cư của từng khu vực; gắn phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn với chuỗi giá trị đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển trong vùng Bắc Trung Bộ.

## 6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức triển khai Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật, tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên của vùng.

- Kiến toàn tổ chức điều phối vùng phù hợp với phạm vi vùng, hình thành Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ; Hội đồng điều phối vùng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách và kế hoạch triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng, liên kết liên tỉnh theo thứ tự ưu tiên, hướng tới phát triển nhanh và bền vững vùng Bắc Trung Bộ.

- Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, dự án được phân cấp theo quy định; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống

thông tin về hợp tác, liên kết đầu tư, bao gồm định hướng đầu tư, danh mục các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư trên địa bàn vùng.

- Hoàn thiện, cập nhật và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch, tài nguyên, môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng Bắc Trung Bộ, làm cơ sở cho công tác giám sát, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch khi cần thiết.

## **XI. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ QUY HOẠCH**

Danh mục sơ đồ điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn vùng theo quy định của pháp luật.

#### **2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định;

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch vùng;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng và mục tiêu của quy hoạch vùng;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đối với các dự án quan trọng của vùng; tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

#### **3. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ**

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch vùng;

c) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan trong vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng của vùng thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng; tham gia ý kiến đối với kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng;

#### 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng

a) Rà soát quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch vùng được phê duyệt;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch;

c) Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình đánh giá việc thực hiện quy hoạch vùng, các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch ngành trên địa bàn vùng.

5. Sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát nội dung Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nếu nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cao hơn thì tiến hành điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các nội dung đã và đang thực hiện theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Quyết định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2). ĐTQ 65



**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Chí Dũng**



**Phụ lục**

**DANH MỤC SƠ ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH VÙNG  
BẮC TRUNG BỘ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 613/QĐ-TTg*

*Ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Tên sơ đồ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:250.000
2	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:250.000
3	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:250.000
4	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:250.000
5	Sơ đồ phương hướng sử dụng tài nguyên	1:250.000
6	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường	1:250.000
7	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	1:250.000